

SỞ Y TẾ THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM


Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN

Số đến: 2203 Ngày đến 9/11/2018

Cơ quan ban hành văn bản: Thanh tra tỉnh

Số ký hiệu văn bản: 10571/TTr - PCTV Ngày tháng văn bản: 6/11/2018

Tham mưu ý kiến xử lý của Văn phòng	Duyệt lãnh đạo	Bộ phận/chuyên viên xử lý văn bản
<ul style="list-style-type: none"> - BGD. - TCCB : Thanh tra Tỉnh khai 7/bản - TTr : phối lập. - Các đơn vị tương ứng : N/Cấp Tỉnh 		
	Ngày:/...../201.....	

Số: 1054/TT-PCTN

V/v hướng dẫn triển khai công tác kê khai
minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 11 năm 2018

Kính gửi:

- Các Ban Đảng, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các doanh nghiệp Nhà nước và các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh.



Thực hiện Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP, ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập và Chỉ thị số 11/2014/CT-UBND, ngày 13/3/2014 của UBND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện công tác kê khai minh bạch tài sản, thu nhập trên địa tỉnh Thừa Thiên Huế, Thanh tra tỉnh hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 như sau:

I. Thủ tục kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

1. Trình tự, thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 78/2013/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

2. Việc kê khai, giải trình nguồn gốc tài sản tăng, giảm theo mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập (Phụ lục II) và Hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập (Phụ lục III) thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 2 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

3. Về biến động tài sản, thu nhập phải kê khai, giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

4. Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 78/2013/NĐ-CP và Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

5. Các đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo cán bộ phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị minh thực hiện việc xây dựng hồ sơ về minh bạch tài sản, thu nhập phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra, công tác phòng, chống tham nhũng. Việc xây dựng hồ sơ về minh bạch tài sản, thu nhập được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

II. Báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập của các đơn vị

1. Việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản, thu nhập thực hiện theo Khoản 2, Khoản 3, Điều 35 của Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP.

2. Đề nghị các đơn vị, địa phương ngoài báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 của đơn vị mình và các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý *theo đúng nội dung và biểu mẫu đính kèm*, đồng thời, tiến hành tổng hợp, báo cáo kết quả kê khai đối với Người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Huyện ủy) quản lý (nếu có).

3. Các báo cáo gửi về Thanh tra tỉnh **chậm nhất đến hết ngày 10/4/2019** để Thanh tra tỉnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thanh tra Chính phủ (*ngoài gửi báo cáo bằng văn bản, các đơn vị gửi file báo cáo qua địa chỉ Email: thanhtratinh@thuathienhue.gov.vn*).

Ngoài ra, các đơn vị, địa phương phải cập nhật tình hình thực hiện công tác minh bạch tài sản, thu nhập vào các báo cáo định kỳ về công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định.

Thanh tra tỉnh đề nghị các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đúng theo thời gian quy định./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Thanh tra Chính phủ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực UBND tỉnh; để b/c
- UBND tỉnh;
- Chánh Thanh tra tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PCTN.

KT. CHÁNH THANH TRA

PHÓ CHÁNH THANH TRA TỈNH



Đặng Sỹ

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO MINH BẠCH TÀI SẢN, THU NHẬP
(Kèm theo Công văn số ~~1057~~ /TTr-PCTN, ngày ~~06~~ /~~11~~ /2018 của Thanh tra tỉnh)

Cơ quan, tổ chức, đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018

1. Quá trình chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập

- Đặc điểm tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Các văn bản pháp luật áp dụng;
- Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc của cấp trên;
- Các văn bản cơ quan, đơn vị đã triển khai như: Kế hoạch, phương án, tổ chức tuyên truyền;
- Phân công thực hiện;
- Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kê khai, công khai, quản lý hồ sơ, tiến hành xác minh, xem xét kỷ luật, tổng hợp báo cáo ...
- Những thuận lợi hay khó khăn, vướng mắc.

2. Kết quả thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập

2.1 Kết quả kê khai

- Số đơn vị (trực thuộc) phải triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập;
- Số đơn vị (trực thuộc) đã triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập;
- Tỷ lệ % số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện;
- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc thực hiện kê khai chậm so với thời gian quy định (danh sách), lý do.

*** Số liệu về số người kê khai gồm:**

- Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm; trong đó số người phải kê khai tăng/giảm so với năm trước, lý do.
- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm; tỷ lệ .. % số người kê khai;
- Số lượng bản kê khai tài sản, thu nhập lưu giữ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Số lượng và danh sách bản kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý:.....;
- Số lượng và danh sách bản kê khai do tổ chức cấp trên quản lý:.....;

2.2 Kết quả công khai

- Số đơn vị (trực thuộc) phải triển khai thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập;
- Số đơn vị (trực thuộc) đã triển khai thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập;
- Tỷ lệ % số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện công khai;
- Số cơ quan, đơn vị thực hiện công khai bằng hình thức niêm yết; số điểm niêm yết;

- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp; số cuộc họp;

- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện công khai hoặc thực hiện chậm so với thời gian quy định (danh sách), lý do.

Tình hình thông tin phản ánh sau khi công khai các bản kê khai tài sản, thu nhập trong năm.

* Số liệu về số bản kê khai được công khai:

- Số bản kê khai đã công khai; tỷ lệ% so với số bản đã kê khai;

- Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết; tỷ lệ% so với số bản đã công khai;

- Số bản kê khai đã công khai theo hình công bố tại cuộc họp; tỷ lệ% so với số bản đã công khai.

2.3 Kết quả thực hiện giải trình, xác minh tài sản, thu nhập

Số liệu về giải trình, xác minh tài sản, thu nhập

- Số người yêu cầu giải trình kê khai, nguồn gốc tài sản, thu nhập;

- Số người được xác minh tài sản, thu nhập;

- Số người đã có kết luận về minh bạch tài sản, thu nhập;

- Số người đã có kết luận không trung thực trong minh bạch tài sản, thu nhập;

2.4 Kết quả xử lý kỷ luật trong xác minh tài sản, thu nhập

Số liệu về xử lý vi phạm

- Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; chia theo hình thức kỷ luật (cảnh cáo; khiển trách; hình thức khác).

- Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm thời hạn trong minh bạch tài sản, thu nhập (chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản) và chia theo hình thức xử lý kỷ luật.

- Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập chia theo các lỗi vi phạm và hình thức xử lý.

3. Đánh giá chung.

- Các mặt thuận lợi, khó khăn khi triển khai công tác minh bạch, tài sản trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

- Các ý kiến góp ý, đề xuất khắc phục.

Nơi nhận:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị

Ký tên, đóng dấu

Tên cơ quan cấp trên:...

Tên cơ quan, đơn vị:...

BIỂU TỔNG HỢP

Số liệu kê khai, công khai, xác minh tài sản, thu nhập năm 2018

(Kèm theo báo cáo số ngày tháng năm.....)

I. SỐ LIỆU TỔNG HỢP:

- Tổng số đơn vị (thuộc phạm vi quản lý) phải thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập (TSTN):.....
- Tổng số đơn vị (thuộc phạm vi quản lý) đã thực hiện việc kê khai TSTN:.....
- Tổng số đơn vị (thuộc phạm vi quản lý) chưa có báo cáo về kết quả kê khai TSTN:.....

II. SỐ LIỆU CHI TIẾT:

STT	Tên đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người được xác minh tài sản, thu nhập	Số người đã có kết luận về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc thứ nhất. - Số Bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý - Số Bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý										
2	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc thứ hai. - Số Bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý - Số Bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý										
										
	Tổng số										

NGƯỜI LẬP BIỂU

..... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Nêu rõ tên cơ quan tổ chức Đảng quản lý hồ sơ;
- Nêu rõ tên cơ quan tổ chức cấp trên quản lý hồ sơ;
- Số liệu ghi tại các cột 6,7,8,9,10, lập danh sách chi tiết kèm theo.
- Đối với các đơn vị chưa thực hiện việc kê khai TSTN hoặc chưa có báo cáo về kết quả kê khai TSTN thì để trống các cột và ở cột Ghi chú (11) ghi rõ là "Chưa thực hiện việc kê khai" hoặc "Chưa có báo cáo".